

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Nghĩa

2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị C, năm sinh 1994

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn B, xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Chín V, năm sinh 1989

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị C và Hoàng Chín V tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012, đến ngày 19/8/2016 chị và anh V mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh V thường xuyên chơi bời, uống rượu say thì đánh chửi chị. Vì đã có con chung với nhau và mong muốn cải thiện tình cảm vợ chồng nên anh chị đã đi đăng ký kết hôn, nhưng sau khi đi đăng ký kết hôn thì tình cảm của vợ chồng không cải thiện được, anh V không thay đổi nên anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Vì không chịu đựng được cuộc sống chung với anh V nên tháng 8 năm

2018 chị C đã về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn B, xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai ở. Từ đó đến nay, chị và anh V sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Chín V.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị Giàng Thị C và anh Hoàng Chín V có một người con chung là cháu Hoàng T, sinh ngày 27/9/2013, do anh V không cho chị đón và nuôi cháu T nên hiện nay cháu T đang ở cùng anh V, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu không được ai tặng cho, thừa kế tài sản gì. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì cháu T là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ, chị có thời gian để chăm con hơn anh V, hiện anh V còn đang phải nuôi dưỡng hai con riêng của anh là cháu P và cháu L nên ít có thời gian để chăm sóc cháu T. Hiện chị làm nghề trồng trọt, trồng nuôi, có thời gian thì đi làm thuê thêm, thu nhập một tháng khoảng 5.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh cháu T; Đơn xác nhận về hộ khẩu của chị C, anh V; Đơn xác nhận mức thu nhập của chị C.

2. Đề nghị của bị đơn: Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Chín V và chị Giàng Thị C chung sống với nhau từ năm 2012, đến ngày 19/8/2016 anh và chị C đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là thỉnh thoảng vợ chồng cãi nhau, từ tháng 8 năm 2018 chị C đi đâu không về thăm con, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Tuy nhiên vì con còn nhỏ, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh V và chị C có một người con chung là cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 27/9/2013, anh V có hai con riêng là cháu Hoàng Seo P, sinh năm 2008 và Hoàng Seo L, sinh năm 2009. Hiện nay cháu T, cháu P và cháu L đang ở cùng với anh V, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Trong trường hợp nếu phải ly hôn, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về con riêng anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện anh làm nghề trồng trọt, trồng nuôi và đi làm thuê thêm, thu nhập một tháng là 5.000.000 đồng, anh có đủ khả năng và điều kiện nuôi con chung.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Giàng Thị C được ly hôn với anh Hoàng Chín V.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 27/9/2013 cho chị Giàng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Chín V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án. Tòa án tiến hành giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bị đơn anh Hoàng Chín V vắng mặt không có lý do, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh V theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Chín V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị C và anh Hoàng Chín V là hợp pháp. Sau khi về chung sống do anh chị không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, hiện chị C và anh V đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xác minh tại địa phương nơi chị C và anh V cư trú và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì: Quá trình chung sống, do không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống nên anh V và chị C xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc,

anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Chị C xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, chị và anh V không thể hòa hợp để có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng, còn anh V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng anh thừa nhận thỉnh thoảng anh chị đã xảy ra cãi nhau, chị C đã bỏ đi và anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Giàng Thị C và anh Hoàng Chí V có một người con chung là cháu Hoàng Thị Tuyết, sinh ngày 27/9/2013. Hiện nay cháu T đang ở cùng với anh V, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Xác minh tại địa phương nơi chị C và anh V cư trú thì: Hiện anh V đang nuôi dưỡng và sinh sống cùng con chung là cháu T và hai con riêng của anh là cháu Hoàng Seo P, sinh năm 2008 và Hoàng Seo L, sinh năm 2009; hiện anh V và chị C đều làm ruộng, làm nương, chăn nuôi và đi làm thuê, thu nhập cùng loại như vậy ở địa phương khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị C và anh V đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung, nhưng hiện nay anh V còn đang phải nuôi dưỡng hai con riêng của anh là cháu P và cháu L, hiện hai cháu vẫn còn nhỏ cần phải có thời gian và điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do cháu T được giao cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị C và anh V.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị C phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị C và anh Hoàng Chín V.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 27/9/2013 cho chị Giàng Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Chín V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị C phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003810 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã B, huyện S;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương